

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ II – Đề số 7

Môn: Hóa học - Lớp 10

Bộ sách Cánh diều

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM



Mục tiêu

- Ôn tập lý thuyết toàn bộ giữa học kì II của chương trình sách giáo khoa Hóa học 10.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Hóa học.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dần trải tất cả các chương của giữa học kì II – chương trình Hóa học 10.

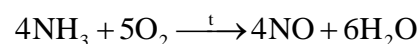
Câu 1: Số oxi hóa của các nguyên tử trong đơn chất bằng

- A. +1
- B. -2
- C. 0
- D. +2

Câu 2: Phản ứng nào sau đây là phản ứng oxi hóa – khử?

- A. $2\text{HCl} + \text{FeO} \rightarrow \text{FeCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$
- B. $2\text{H}_2 + \text{O}_2 \rightarrow 2\text{H}_2\text{O}$
- C. $2\text{Fe}(\text{OH})_3 \rightarrow \text{Fe}_2\text{O}_3 + 3\text{H}_2\text{O}$
- D. $\text{NaCl} + \text{AgNO}_3 \rightarrow \text{AgCl} + \text{NaNO}_3$

Câu 3: Quá trình Ostwald để sản xuất nitric acid từ ammonia được đề xuất vào năm 1902. Ở giai đoạn đầu của quá trình, ammonia bị oxi hóa với oxygen ở nhiệt độ cao khi có chất xúc tác:



Chất bị oxi hóa trong quá trình trên là

- A. NH_3
- B. O_2
- C. NO
- D. H_2O

Câu 4: Dấu hiệu để nhận biết một phản ứng oxi hóa khử là

- A. phản ứng có xuất hiện chất khí là chất sản phẩm
- B. phản ứng có sự xuất hiện của chất kết tủa
- C. phản ứng có sự thay đổi trạng thái của chất phản ứng
- D. phản ứng có sự thay đổi số oxi hóa của nguyên tố

Câu 5: Cho phương trình nhiệt hóa học sau: $\text{S}(\text{s}) + \text{O}_2(\text{g}) \rightarrow \text{SO}_2(\text{g})$ $\Delta_r H_{298}^\circ = -296.80\text{kJ}$

Enthalpy tạo thành chuẩn của $\text{SO}_2(\text{g})$ là

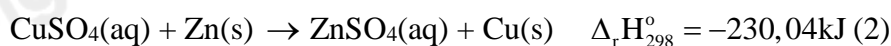
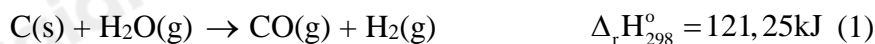
- A. -593,60 kJ
- B. 296,80 kJ
- C. -298,80 kJ
- D. 0,00 kJ

Câu 6: Phản ứng thu nhiệt có

- A. $\Delta_r H_{298}^\circ = 0$
- B. $\Delta_r H_{298}^\circ > 0$
- C. $\Delta_r H_{298}^\circ < 0$

D. $\Delta_r H_{298}^\circ \neq 0$

Câu 7: Cho 2 phương trình nhiệt hóa học sau:



Chọn phát biểu đúng:

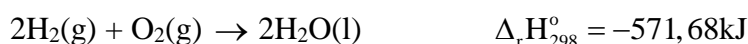
A. phản ứng (1) là phản ứng tỏa nhiệt, phản ứng (2) là phản ứng thu nhiệt

B. phản ứng (1) và (2) là phản ứng thu nhiệt

C. phản ứng (1) và (2) là phản ứng tỏa nhiệt

D. phản ứng (1) là phản ứng thu nhiệt, phản ứng (2) là phản ứng tỏa nhiệt

Câu 8: Cho phương trình nhiệt hóa học của phản ứng



Phản ứng trên là phản ứng

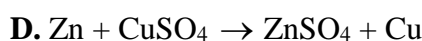
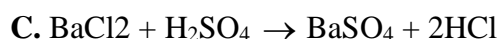
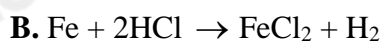
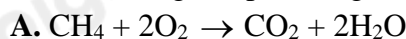
A. thu nhiệt và hấp thu 571,68 kJ nhiệt

B. không có sự thay đổi năng lượng

C. tỏa nhiệt và giải phóng 571,68 kJ nhiệt

D. Có sự hấp thụ nhiệt lượng từ môi trường xung quanh

Câu 9: Trong các phản ứng sau, phản ứng không phải là phản ứng oxi hóa – khử?



Câu 10: Số oxi hóa của sulfur (S) trong các phân tử H_2SO_3 , S, SO_3 , H_2S lần lượt là

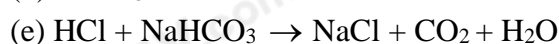
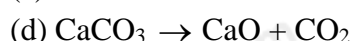
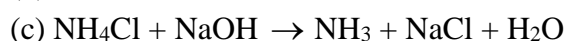
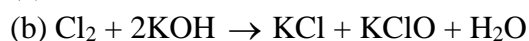
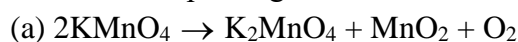
A. +4, -8, +6, -2

B. +6, +8, +6, -2

C. +4, 0, +6, -2

D. +4, 0, +4, -2

Câu 11: Cho phương trình hóa học của các phản ứng sau:



Số phản ứng có kèm theo sự thay đổi số oxi hóa của các nguyên tử là

A. 6

B. 3

C. 5

D. 4

Câu 12: Cho nhiệt tạo thành chuẩn của các chất tương ứng trong phương trình

Chất	$\text{N}_2\text{O}_4\text{(g)}$	CO(g)	$\text{N}_2\text{O(g)}$	$\text{CO}_2\text{(g)}$
$\Delta_f H_{298}^\circ$ (kJ/mol)	9,16	-110,5	82,05	-393,50

Biến thiên enthalpy của phản ứng $\text{N}_2\text{O}_4\text{(g)} + 3\text{CO(g)} \rightarrow \text{N}_2\text{O(g)} + 3\text{CO}_2\text{(g)}$ có giá trị là:

A. -209,66 kJ

B. -776,11 kJ

C. 776,11 kJ

D. 210,11 kJ

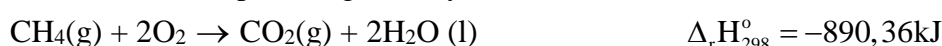
Câu 13: Những ngày nóng nực, pha viên vitamin C vào nước để giải khát, khi viên sủi tan, thấy nước trong cốc mát hơn là do

- A. xảy ra phản ứng tỏa nhiệt
- B. xảy ra phản ứng thu nhiệt
- C. xảy ra phản ứng trao đổi chất với môi trường
- D. có sự giải phóng nhiệt lượng ra ngoài môi trường

Câu 14: Enthalpy tạo thành chuẩn của một đơn chất bền là

- A. biến thiên enthalpy chuẩn của phản ứng giữa đơn chất đó với hydrogen
- B. là biến thiên enthalpy chuẩn của phản ứng giữa đơn chất đó với oxygen
- C. bằng 0
- D. được xác định từ nhiệt độ nóng chảy của nguyên tố đó

Câu 15: Cho các phản ứng sau xảy ra ở điều kiện chuẩn



Ở điều kiện chuẩn, cần phải đốt cháy hoàn toàn m gam $\text{CH}_4(\text{g})$ để cung cấp nhiệt tạo cho phản ứng tạo 3 mol CaO bằng cách nung CaCO_3 . Giả thiết hiệu suất các quá trình đều là 100%. Giá trị gần nhất của m là

- A. 9,6 gam
- B. 6,4 gam
- C. 3,2 gam
- D. 4,8 gam

Câu 16: Dựa vào phương trình nhiệt hóa học của phản ứng sau:



Giá trị $\Delta_r H_{298}^\circ$ của phản ứng $\frac{1}{2}\text{H}_2(\text{g}) + \frac{1}{2}\text{F}_2(\text{g}) \rightarrow \text{HF}(\text{g})$ là

- A. -546 kJ
- B. 546 kJ
- C. -273 kJ
- D. 273 kJ

Câu 17: Bình “gas” sử dụng trong hộ gia đình A có chứa 10,76 kg khí hóa lỏng (LPG) gồm propane và butane với tỉ lệ mol tương ứng là 3:7 (thành phần khác không đáng kể). Khi được đốt cháy hoàn toàn, 1 mol propane tỏa ra lượng nhiệt là 2220 kJ và 1 mol butane tỏa ra lượng nhiệt là 2850 kJ. Hỏi trung bình lượng nhiệt tiêu thụ từ đốt 1 bình khí “gas” trên của hộ gia đình A tương ứng với bao nhiêu số điện? (Biết hiệu suất sử dụng nhiệt là 67% và 1 số điện = 1 kWh = 3600 kJ).

- A. 89 số.
- B. 97 số.
- C. 101 số.
- D. 99 số.

Câu 18: Theo nghiên cứu của Đại học Harvard vào năm 2013, trẻ em sinh sống tại những khu vực có nguồn nước bị nhiễm Fluorine có chỉ số IQ trung bình sẽ thấp hơn so với những trẻ em sống tại vùng khác. Anion F^- (fluoride) có độc tính mạnh với hệ thần kinh. Với lượng tương đối thấp: 0,2 gam ion F^- trên cơ thể có trọng lượng 70 kg có thể gây tử vong. Tuy nhiên, sự có mặt của anion fluoride lại giúp men răng chắc khỏe và chống chọi các bệnh về sâu răng, vì vậy anion fluoride được thêm vào nước uống đóng chai với nồng độ 1mg ion F^- trên 1L nước và bổ sung một lượng nhỏ dưới dạng muối sodium fluoride (NaF) trong kem đánh răng. 1. Một bạn học sinh nặng khoảng 63kg sử dụng loại nước chứa ion F^- với lượng 1mg/1L để giúp men răng chắc khỏe, chống sâu răng. Sau khi đọc thông tin về độc tính của ion F^- , bạn học sinh rất lo lắng. Hãy

tính xem với thể tích nước mà bạn học sinh này uống một ngày là bao nhiêu lít thì ion F^- có trong nước đạt đến mức có thể gây độc tính?

- A. 160 lít.
- B. 180 lít.
- C. 200 lít.
- D. 170 lít

Câu 19: Theo hiệp hội nha khoa Hoa Kỳ, một người trưởng thành nên bổ sung 3,0 mg F^- mỗi ngày dưới dạng muối sodium fluoride (NaF) để ngăn ngừa sâu răng. Lượng NaF không gây độc cho cơ thể khi ở mức $3,19 \cdot 10^{-2}$ gam/ 1 kg cơ thể. Một mẫu kem đánh răng chứa 0,28% NaF, hãy tính khối lượng mẫu kem đánh răng mà một người nặng 65 kg có thể nuốt nhưng không gây độc tính với cơ thể?

- A. 739,56 gam.
- B. 789,34 gam.
- C. 740,53 gam.
- D. 750,29 gam

Hướng dẫn lời giải chi tiết

Thực hiện: Ban chuyên môn của Loigiaihay

Phần trắc nghiệm

1C	2B	3A	4D	5C	6B	7D	8C	9C	10C
11B	12B	13B	14C	15A	16C	17D	18B	19C	

Câu 1: Số oxi hóa của các nguyên tử trong đơn chất bằng

- A. +1
- B. -2
- C. 0
- D. +2

Phương pháp giải

Số oxi hóa một số chất

Lời giải chi tiết

Số oxi hóa của các nguyên tử trong đơn chất bằng 0.

Đáp án C

Câu 2: Phản ứng nào sau đây là phản ứng oxi hóa – khử?

- A. $2\text{HCl} + \text{FeO} \rightarrow \text{FeCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$
- B. $2\text{H}_2 + \text{O}_2 \rightarrow 2\text{H}_2\text{O}$
- C. $2\text{Fe}(\text{OH})_3 \rightarrow \text{Fe}_2\text{O}_3 + 3\text{H}_2\text{O}$
- D. $\text{NaCl} + \text{AgNO}_3 \rightarrow \text{AgCl} + \text{NaNO}_3$

Phương pháp giải

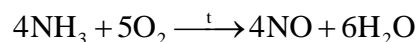
Phản ứng oxi hóa – khử là những phản ứng có sự thay đổi số oxi hóa

Lời giải chi tiết

Phản ứng oxi hóa – khử: $2\text{H}_2 + \text{O}_2 \rightarrow 2\text{H}_2\text{O}$

Đáp án B

Câu 3: Quá trình Ostwald để sản xuất nitric acid từ ammonia được đề xuất vào năm 1902. Ở giai đoạn đầu của quá trình, ammonia bị oxi hóa với oxygen ở nhiệt độ cao khi có chất xúc tác:



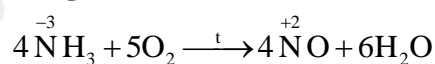
Chất bị oxi hóa trong quá trình trên là

- A. NH_3
- B. O_2
- C. NO
- D. H_2O

Phương pháp giải

Chất khử là chất cho electron và bị oxi hóa

Lời giải chi tiết



=> NH_3 là chất bị oxi hóa

Đáp án A

Câu 4: Dấu hiệu để nhận biết một phản ứng oxi hóa khử là

- A. phản ứng có xuất hiện chất khí là chất sản phẩm
- B. phản ứng có sự xuất hiện của chất kết tủa
- C. phản ứng có sự thay đổi trạng thái của chất phản ứng
- D. phản ứng có sự thay đổi số oxi hóa của nguyên tố

Phương pháp giải

Dấu hiệu phản ứng oxi hóa – khử

Lời giải chi tiết

Dấu hiệu để nhận biết một phản ứng oxi hóa khử là phản ứng có sự thay đổi số oxi hóa của nguyên tố

Đáp án D

Câu 5: Cho phương trình nhiệt hóa học sau: $S(s) + O_2(g) \rightarrow SO_2(g)$ $\Delta_r H_{298}^\circ = -296,80 \text{ kJ}$

Enthalpy tạo thành chuẩn của $SO_2(g)$ là

- A. -593,60 kJ
- B. 296,80 kJ
- C. -298,80 kJ
- D. 0,00 kJ

Phương pháp giải

Biên thiên enthalpy của phản ứng: $\Delta_r H_{298}^\circ = \Delta_f H_{298}^\circ(\text{cd}) - \Delta_f H_{298}^\circ(\text{sp})$

Lời giải chi tiết

$$\Delta_r H_{298}^\circ = \Delta_f H_{298}^\circ(SO_2) = -296,8 \text{ kJ/mol}$$

Đáp án C

Câu 6: Phản ứng thu nhiệt có

- A. $\Delta_r H_{298}^\circ = 0$
- B. $\Delta_r H_{298}^\circ > 0$
- C. $\Delta_r H_{298}^\circ < 0$
- D. $\Delta_r H_{298}^\circ \neq 0$

Phương pháp giải

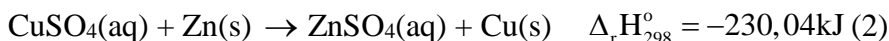
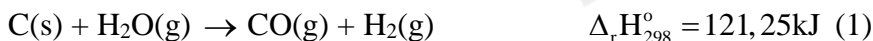
Đặc điểm phản ứng nhiệt hóa học

Lời giải chi tiết

Phản ứng thu nhiệt có $\Delta_r H_{298}^\circ > 0$

Đáp án B

Câu 7: Cho 2 phương trình nhiệt hóa học sau:



Chọn phát biểu đúng:

- A. phản ứng (1) là phản ứng tỏa nhiệt, phản ứng (2) là phản ứng thu nhiệt
- B. phản ứng (1) và (2) là phản ứng thu nhiệt
- C. phản ứng (1) và (2) là phản ứng tỏa nhiệt
- D. phản ứng (1) là phản ứng thu nhiệt, phản ứng (2) là phản ứng tỏa nhiệt

Phương pháp giải

Giá trị biến thiên enthalpy của phản ứng thu nhiệt, phản ứng tỏa nhiệt

Lời giải chi tiết

Phản ứng (1) $\Delta_r H_{298}^\circ = 121,25 \text{ kJ} > 0 \rightarrow$ phản ứng thu nhiệt

Phản ứng (2) $\Delta_r H_{298}^\circ = -230,04 \text{ kJ} < 0 \rightarrow$ phản ứng tỏa nhiệt

Đáp án D

Câu 8: Cho phương trình nhiệt hóa học của phản ứng



Phản ứng trên là phản ứng

- A. thu nhiệt và hấp thụ 571,68 kJ nhiệt
- B. không có sự thay đổi năng lượng

- C. tỏa nhiệt và giải phóng 571,68 kJ nhiệt
 D. Có sự hấp thụ nhiệt lượng từ môi trường xung quanh

Phương pháp giải

Dựa vào lý thuyết về năng lượng hóa học

Lời giải chi tiết

Phản ứng trên là phản ứng tỏa nhiệt và giải phóng 571,68 kJ nhiệt

Đáp án C

Câu 9: Trong các phản ứng sau, phản ứng không phải là phản ứng oxi hóa – khử?

- A. $\text{CH}_4 + 2\text{O}_2 \rightarrow \text{CO}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$
 B. $\text{Fe} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{FeCl}_2 + \text{H}_2$
 C. $\text{BaCl}_2 + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{BaSO}_4 + 2\text{HCl}$
 D. $\text{Zn} + \text{CuSO}_4 \rightarrow \text{ZnSO}_4 + \text{Cu}$

Phương pháp giải

Phản ứng oxi hóa – khử

Lời giải chi tiết

$\text{BaCl}_2 + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{BaSO}_4 + 2\text{HCl}$ → Phản ứng trao đổi

Đáp án C

Câu 10: Số oxi hóa của sulfur (S) trong các phân tử H_2SO_3 , S, SO_3 , H_2S lần lượt là

- A. +4, -8, +6, -2
 B. +6, +8, +6, -2
 C. +4, 0, +6, -2
 D. +4, 0, +4, -2

Phương pháp giải

Số oxi hóa của các nguyên tử nguyên tố

Lời giải chi tiết

Số oxi hóa của sulfur (S) trong các phân tử H_2SO_3 , S, SO_3 , H_2S lần lượt là +4, 0, +6, -2

Đáp án C

Câu 11: Cho phương trình hóa học của các phản ứng sau:

- (a) $2\text{KMnO}_4 \rightarrow \text{K}_2\text{MnO}_4 + \text{MnO}_2 + \text{O}_2$
 (b) $\text{Cl}_2 + 2\text{KOH} \rightarrow \text{KCl} + \text{KClO} + \text{H}_2\text{O}$
 (c) $\text{NH}_4\text{Cl} + \text{NaOH} \rightarrow \text{NH}_3 + \text{NaCl} + \text{H}_2\text{O}$
 (d) $\text{CaCO}_3 \rightarrow \text{CaO} + \text{CO}_2$
 (e) $\text{HCl} + \text{NaHCO}_3 \rightarrow \text{NaCl} + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$

(g) $2\text{SO}_2 + \text{O}_2 \rightarrow 2\text{SO}_3$

Số phản ứng có kèm theo sự thay đổi số oxi hóa của các nguyên tử là

- A. 6
 B. 3
 C. 5
 D. 4

Phương pháp giải

Dựa vào lý thuyết về phản ứng oxi hóa – khử

Lời giải chi tiết

(a) $2\overset{+7}{\text{K}}\overset{-2}{\text{Mn}}\overset{+6}{\text{O}}_4 \rightarrow \overset{+6}{\text{K}}_2\overset{-2}{\text{Mn}}\overset{+4}{\text{O}}_4 + \overset{+4}{\text{Mn}}\overset{-2}{\text{O}}_2 + \overset{0}{\text{O}}_2$

(b) $\overset{0}{\text{Cl}}_2 + 2\text{KOH} \rightarrow \overset{-1}{\text{K}}\overset{+1}{\text{Cl}} + \overset{+1}{\text{K}}\overset{-1}{\text{Cl}}\text{O} + \text{H}_2\text{O}$

(g) $2\overset{+4}{\text{S}}\overset{-2}{\text{O}}_2 + \overset{0}{\text{O}}_2 \rightarrow 2\overset{+6}{\text{S}}\overset{-2}{\text{O}}_3$

Đáp án B

Câu 12: Cho nhiệt tạo thành chuẩn của các chất tương ứng trong phương trình

Chất	$N_2O_4(g)$	$CO(g)$	$N_2O(g)$	$CO_2(g)$
$\Delta_f H_{298}^\circ (kJ/mol)$	9,16	-110,5	82,05	-393,50

Biến thiên enthalpy của phản ứng $N_2O_4(g) + 3CO(g) \rightarrow N_2O(g) + 3CO_2(g)$ có giá trị là:

- A. -209,66 kJ
- B. -776,11 kJ
- C. 776,11 kJ
- D. 210,11 kJ

Phương pháp giải

Biến thiên enthalpy của phản ứng: $\Delta_r H_{298}^\circ = \Delta_f H_{298}^\circ (cd) - \Delta_f H_{298}^\circ (sp)$

Lời giải chi tiết:

$$\begin{aligned} \Delta_r H_{298}^\circ &= \Delta_f H_{298}^\circ (N_2O) + 3\Delta_f H_{298}^\circ (CO_2) - 3\Delta_f H_{298}^\circ (CO) - \Delta_f H_{298}^\circ (N_2O_4) \\ &= 82,05 + 3 \cdot (-393,5) - 3 \cdot (-110,5) - 9,16 = -776,11 \text{ kJ} \end{aligned}$$

Đáp án B

Câu 13: Những ngày nóng nực, pha viên vitamin C vào nước để giải khát, khi viên sủi tan, thấy nước trong cốc mát hơn là do

- A. xảy ra phản ứng tỏa nhiệt
- B. xảy ra phản ứng thu nhiệt
- C. xảy ra phản ứng trao đổi chất với môi trường
- D. có sự giải phóng nhiệt lượng ra ngoài môi trường

Phương pháp giải

Một số phản ứng thu nhiệt trong thực tế

Lời giải chi tiết

Những ngày nóng nực, pha viên vitamin C vào nước để giải khát, khi viên sủi tan, thấy nước trong cốc mát hơn là do xảy ra phản ứng thu nhiệt.

Đáp án B

Câu 14: Enthalpy tạo thành chuẩn của một đơn chất bền là

- A. biến thiên enthalpy chuẩn của phản ứng giữa đơn chất đó với hydrogen
- B. là biến thiên enthalpy chuẩn của phản ứng giữa đơn chất đó với oxygen
- C. bằng 0
- D. được xác định từ nhiệt độ nóng chảy của nguyên tố đó

Phương pháp giải

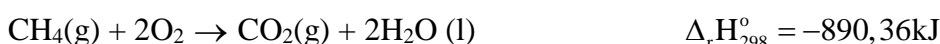
Giá trị biến thiên enthalpy tạo thành chuẩn của một số đơn chất.

Lời giải chi tiết

Enthalpy tạo thành chuẩn của một đơn chất bền là bằng 0.

Đáp án C

Câu 15: Cho các phản ứng sau xảy ra ở điều kiện chuẩn



Ở điều kiện chuẩn, cần phải đốt cháy hoàn toàn m gam $CH_4(g)$ để cung cấp nhiệt tạo cho phản ứng tạo 3 mol CaO bằng cách nung $CaCO_3$. Giả thiết hiệu suất các quá trình đều là 100%. Giá trị gần nhất của m là

- A. 9,6 gam
- B. 6,4 gam
- C. 3,2 gam
- D. 4,8 gam

Phương pháp giải

Tính nhiệt lượng tỏa ra từ các mol chất

Lời giải chi tiết

Đề tạo ra 3 mol CaO(s) → Nhiệt lượng cần: $178,29 \cdot 3 = 534,87$ KJ

→ $n_{\text{NH}_4} = 534,87 : 890,36 = 0,6$ mol

→ $m_{\text{NH}_4} = 0,6 \cdot 16 = 9,6$ g

Đáp án A

Câu 16: Dựa vào phương trình nhiệt hóa học của phản ứng sau:



Giá trị $\Delta_r H_{298}^\circ$ của phản ứng $\frac{1}{2} \text{H}_2(\text{g}) + \frac{1}{2} \text{F}_2(\text{g}) \rightarrow \text{HF}(\text{g})$ là

A. -546 kJ

B. 546 kJ

C. -273 kJ

D. 273 kJ

Phương pháp giải

Mỗi phương trình có hệ số khác nhau có giá trị biến thiên enthalpy khác nhau

Lời giải chi tiết

Đáp án C

Câu 17: Bình “gas” sử dụng trong hộ gia đình A có chứa 10,76 kg khí hóa lỏng (LPG) gồm propane và butane với tỉ lệ mol tương ứng là 3:7 (thành phần khác không đáng kể). Khi được đốt cháy hoàn toàn, 1 mol propane tỏa ra lượng nhiệt là 2220 kJ và 1 mol butane tỏa ra lượng nhiệt là 2850 kJ. Hỏi trung bình lượng nhiệt tiêu thụ từ đốt 1 bình khí “gas” trên của hộ gia đình A tương ứng với bao nhiêu số điện? (Biết hiệu suất sử dụng nhiệt là 67% và 1 số điện = 1 kWh = 3600 kJ).

A. 89 số.

B. 97 số.

C. 101 số.

D. 99 số.

Phương pháp giải

Phân tích dựa vào dữ kiện đề bài

Lời giải chi tiết

Gọi số mol của propane và butane lần lượt là $3x$, $7x$

→ $44.3x + 58.7x = 10,76.10^3$

→ $x = 20$

→ $n_{\text{C}_3\text{H}_8} = 60$ mol, $n_{\text{C}_4\text{H}_{10}} = 140$ mol

Lượng nhiệt tiêu thụ của hộ gia đình là: $(60.2220 + 140.2850).67\% = 356574$ kJ

→ Số điện tiêu thụ = $356574 : 3600 = 99$ số

Đáp án D

Câu 18: Theo nghiên cứu của Đại học Harvard vào năm 2013, trẻ em sinh sống tại những khu vực có nguồn nước bị nhiễm Fluorine có chỉ số IQ trung bình sẽ thấp hơn so với những trẻ em sống tại vùng khác. Anion F⁻ (fluoride) có độc tính mạnh với hệ thần kinh. Với lượng tương đối thấp: 0,2 gam ion F trên cơ thể có trọng lượng 70 kg có thể gây tử vong. Tuy nhiên, sự có mặt của anion fluoride lại giúp men răng chắc khỏe và chống chọi các bệnh về sâu răng, vì vậy anion fluoride được thêm vào nước uống đóng chai với nồng độ

1mg ion F trên 1L nước và bổ sung một lượng nhỏ dưới dạng muối sodium fluoride (NaF) trong kem đánh răng. 1. Một bạn học sinh nặng khoảng 63kg sử dụng loại nước chứa ion F với lượng 1mg/1L để giúp men răng chắc khỏe, chống sâu răng. Sau khi đọc thông tin về độc tính của ion F⁻, bạn học sinh rất lo lắng. Hãy tính xem với thể tích nước mà bạn học sinh này uống một ngày là bao nhiêu lít thì ion F có trong nước đạt đến mức có thể gây độc tính?

- A. 160 lít.
- B. 180 lít.
- C. 200 lít.
- D. 170 lít

Phương pháp giải

Phân tích dựa vào dữ kiện đề bài

Lời giải chi tiết

Khối lượng F⁻ gây độc trên cơ thể 63kg = $63 \cdot 0,2/70 = 0,18$ gam
 Thể tích nước mà bạn học sinh này uống một ngày thì ion F⁻ có trong nước đạt đến mức có thể gây độc tính = $0,18 \cdot 1000 = 180$ lít

Đáp án B

Câu 19: Theo hiệp hội nha khoa Hoa Kỳ, một người trưởng thành nên bổ sung 3,0 mg F⁻ mỗi ngày dưới dạng muối sodium fluoride (NaF) để ngăn ngừa sâu răng. Lượng NaF không gây độc cho cơ thể khi ở mức $3,19 \cdot 10^{-2}$ gam/ 1 kg cơ thể. Một mẫu kem đánh răng chứa 0,28% NaF, hãy tính khối lượng mẫu kem đánh răng mà một người nặng 65 kg có thể nuốt nhưng không gây độc tính với cơ thể?

- A. 739,56 gam.
- B. 789,34 gam.
- C. 740,53 gam.
- D. 750,29 gam

Phương pháp giải

Phân tích dữ kiện đề bài

Lời giải chi tiết

Khối lượng mẫu kem đánh răng mà một người nặng 65 kg có thể nuốt nhưng không gây độc tính với cơ thể = $3,19 \cdot 10^{-2} \cdot 65/0,28\% = 740,53$ gam

Đáp án C

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiai

Loigiaihay.com

Loigiaihay.com

Loigiaiha

Loigiaihay.com